

Bản án số: **27/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 18/6/2021

V/v: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phạm Hoàng Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Xuân Phương**
2. Ông Lê Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: **Bà Hoàng Thị Phi Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: **Bà Hoàng Thị Hoài Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 722/2021/TLST–HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc: Tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Minh H** – sinh năm 1993; Hộ khẩu thường trú: số 56 ngõ 100 K Ng, phường T Nh, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Hiện đang cư trú tại: số 1 ngách 19/32 Đ T, phường K L, quận Đ Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Thanh H1** – sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú và cư trú tại: số 56 ngõ 100 K Ng, phường T Nh, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người tham gia tố tụng khác:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: **Luật sư Lê Quốc Đ** – Công ty Luật TNHH T T - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn xin ly hôn đề ngày ngày 21/9/2020 và lời khai trong toàn bộ quá trình giải quyết, nguyên đơn – chị Nguyễn Minh H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh H1 lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 14/3/2013 tại UBND phường K L, quận Đ Đ, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, trước đó cả hai đều chưa ai có vợ, có chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H1 có những hành vi bạo lực gia đình cùng với những lời nói, ngôn từ tục tĩu, xúc phạm chị. Anh H1 còn thường xuyên bỏ nhà đi qua đêm, không quan tâm chăm sóc con cái, gia đình. Ngoài ra anh H1 còn có quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác, chị phát hiện ra việc này qua những nội dung tin nhắn, qua việc anh và người con gái đó mặc áo đôi với nhau.

Những hành động bạo lực về thể xác và tinh thần của anh H1 khiến chị không thể chung sống với anh H1, do đó vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Chị đã phải chuyển về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ từ tháng 12 năm 2019 tại địa chỉ số 1 ngách 19/32 Đ T, phường K L, quận Đ Đ, thành phố Hà Nội.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh H1 có 1 con chung là: Nguyễn Gia H2- sinh ngày 26/9/2013. Từ khi vợ chồng ly thân và chị chuyển về sinh sống tại nhà mẹ đẻ thì chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2. Cháu H2 hiện nay phát triển bình thường. Hàng tháng anh H1 vẫn cấp dưỡng cho cháu H2 số tiền 2.500.000 đồng từ tháng 12 năm 2019 đến nay (tuy nhiên có khoảng 5 tháng anh H1 không cấp dưỡng do có khó khăn kinh tế) . Thu nhập hàng tháng của chị là 13.000.000 đồng. Chị đề nghị trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn, chị đề nghị Tòa án cho chị được trực tiếp chăm sóc cháu H2, đồng thời đề nghị yêu cầu anh H1 phải tiếp tục cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 2.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị xác nhận vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ, chị không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Bị đơn anh **Nguyễn Thanh H1**: Anh H1 hiện đang cư trú tại địa chỉ số 56 ngõ 100 K Ng, phường T Nh, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết công khai hợp

lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Anh H1 đã trực tiếp nhận Thông báo thụ lý vụ án, mặc dù đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án và triệu tập những anh H1 vẫn không có mặt, Tòa án không lấy được lời khai của anh H1. Do anh H1 không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà chị H đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Chị H vẫn giữ nguyên vọng xin ly hôn. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Chị xin ly hôn anh H1 để được ổn định cuộc sống. Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung, chị vẫn giữ nguyên vọng như đã trình bày. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và thực tế tình trạng hôn nhân của anh H1, chị H để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Minh H.

Anh Nguyễn Thanh H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ ba không có lý do chính đáng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có lời khai gửi Tòa án và không đến Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh H1 và không tiến hành hòa giải được vụ án ly hôn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Về con chung, giao con chung là cháu Nguyễn Gia H2 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chấp nhận yêu cầu của chị H đối với việc anh H1

phải cấp dưỡng con chung số tiền 2.500.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nhà ở chung, về công nợ, chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Giành cho anh H1 quyền khởi kiện về tài sản, nhà ở để giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu. Về án phí, chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại Đơn xin ly hôn và các tài liệu trong hồ sơ thể hiện Bị đơn là anh Nguyễn Thanh H1 có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú số 56 ngõ 100 K Ng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, vì vậy Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các Quyết định hoãn phiên tòa cho Anh Nguyễn Thanh H1 theo quy định pháp luật nhưng anh H1 vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H1 là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Minh H và anh Nguyễn Thanh H1 lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 14/3/2013 tại UBND phường K L, quận Đ Đ, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình Tòa án giải quyết, chị H tha thiết xin ly hôn vì cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn, căng thẳng nặng nề đã lâu, anh H1 thường xuyên có những hành vi bạo lực, chửi bới chị. Ngoài ra anh H1 còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Quá trình chung sống mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng nên chị đã chuyển về sống tại nhà mẹ đẻ, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay.

Xét thấy:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống tại số 56A ngõ 100 K Ng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến khoảng năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Chị H cũng đã chuyển về sinh sống tại nhà mẹ, địa chỉ số 1 ngách 19/32 Đ T, phường K L, quận Đ Đ, thành phố Hà Nội từ khoảng tháng 12 năm 2019, vợ chồng anh chị đã sống ly thân một thời gian.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, anh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Mặc dù biết việc Tòa án thụ lý vụ án và việc Tòa án triệu tập nhưng anh H1 không có ý kiến, không tham gia và thực hiện các yêu cầu Tòa án để hòa giải vợ chồng; qua đó thấy rằng anh H1 không hoàn toàn cố gắng, nỗ lực trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H.

Ngoài ra, trước khi Tòa án thụ lý vụ án, chính quyền, tổ hòa giải tại địa phương cũng đã tổ chức nhiều buổi hòa giải để anh chị đoàn tụ, tuy nhiên các buổi hòa giải đều không đạt kết quả.

Xét thấy, chị H, anh H1 đã không còn duy trì cuộc sống chung vợ chồng được một thời gian, hai vợ chồng không còn sự gắn kết, sẻ chia, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn anh H1 là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh H1.

2.2. Về con chung: Chị H và anh H1 có một con chung tên là Nguyễn Gia H2, sinh ngày 26/9/2013. Hiện nay cháu H2 đang ở với mẹ tại địa chỉ số 1 ngách 19/32 Đ T, phường K L, quận Đ Đ, thành phố Hà Nội. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn.

Xét việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng khi ly hôn cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Từ khi vợ chồng ly thân, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2. Cháu H2 hiện nay khỏe mạnh, sinh hoạt, học tập và phát triển bình thường. Chị H làm nghề giáo viên, thu nhập khoảng 13.000.000 đồng/tháng, có nơi cư trú ổn định. Vì vậy, nguyện vọng của chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn là chính đáng, có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, tại Bản tự khai tại Tòa án ngày 30/11/2020 cháu H2 có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Nguyễn Gia H2 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Theo chị H trình bày anh H1 vẫn cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 2.500.000 đồng/tháng bằng hình thức chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt từ khoảng tháng 12/2019 đến nay, tuy nhiên trong khoảng thời gian trên có khoảng 5-6 tháng anh H1 không cấp dưỡng được do khó khăn. Nay chị H yêu cầu sau khi ly hôn anh H1 tiếp tục phải cấp dưỡng cho con chung với số tiền 2.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có thay đổi khác là hoàn toàn phù hợp để đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H.

2.3. Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về công nợ: Chị H trình bày vợ chồng không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Anh H1 không có ý kiến về tài sản, nhà ở và công nợ của vợ chồng do vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản, nhà ở và những yêu cầu khác cho anh H1 khi anh H1 có đơn yêu cầu.

2.5. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị H, anh H1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 72; khoản 4 Điều 147; điểm d khoản 3 Điều 203; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 110; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Minh H đối với anh Nguyễn Thanh H1. Chị H được ly hôn với anh H1.

2. Về con chung: Chị H và anh H1 có một con chung tên là: Nguyễn Gia H2, sinh ngày 26/9/2013.

Giao con chung cho chị Nguyễn Minh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Thanh H1 phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng kể từ thời điểm xét xử sơ

thăm cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh H1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về công nợ: Chị H xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản, nhà ở và những yêu cầu khác cho anh H1 khi có đơn yêu cầu.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Minh H phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0003692 ngày 10/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Nguyễn Minh H, vắng mặt anh Nguyễn Thanh H1. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND Q.Hai Bà Trưng;
 - TAND TP.Hà Nội;
 - VKSND TP.Hà Nội;
 - Chi cục THADS Q.Hai Bà Trưng;
 - UBND P.K L, Q.Đ Đ, Hà Nội
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01/2013 ngày 14/3/2013)
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hoàng Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA